

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp-CTCP trước đây là Công ty TNHH NN MTV- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quốc Toàn
Ông Nguyễn Khắc Hải
Ông Hoàng Minh Việt
Ông Cù Ngọc Phương

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Hải
Ông Phạm Thành Đông
Ông Lê Quốc Hưng
Ông Đậu Huy Ngọc Linh
Bà Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa
Ông Lê Văn Phong

Trưởng Ban Kiểm soát
Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Tổng Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Số: 715/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 15/08/2017, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 20/01/2017. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Tổng Công ty đang tiến hành công tác quyết toán cổ phần hóa nên chưa có Biên bản bàn giao số liệu kế toán từ Công ty TNHH NN MTV sang Công ty cổ phần.
- Chúng tôi chưa có những tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được tổn thất (nếu có) của các khoản Đầu tư vào Công ty liên kết và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bán niên phần V, đoạn 02 (Trang 21), ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Tiếp theo)**

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 03 (trang 22-23) về khoản Phải thu khách hàng; Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 05 (trang 24) về khoản Phải thu về cho vay ngắn hạn; Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần V, đoạn 06 (trang 25) về khoản Phải thu khác và khoản tiền “Trả trước cho người bán” của Chi nhánh Tổng Công ty với số tiền là 1.277.194.629 đồng đã tồn tại hơn 3 năm và trong 3 năm đó không có bất cứ giao dịch gì liên quan đến khoản trả trước này. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các vấn đề nêu trên.
- Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên phần V, đoạn 03 (trang 22-23), số dư công nợ phải thu của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung bao gồm phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội với số tiền là 27.264.461.695 đồng, phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền là 3.230.706.858 đồng. Tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số 06 (trang 25), khoản phải thu khác đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên là 48.134.425.710 đồng. Các khoản công nợ phải thu này bản chất là khoản công nợ phải thu khách hàng và phải thu khác của Xí nghiệp Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Tổng hợp (đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung) từ trước ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Xí nghiệp này hiện nay đã ngừng hoạt động, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp đang bị tạm giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu. Do chưa có những kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra, Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính bán niên của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung chưa thể có đánh giá đầy đủ và xác định việc xử lý các khoản công nợ phải thu này.
- Liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Tổng hợp đã nói trên, tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên phần V, đoạn 17 (trang 36), các khoản vay mà Xí Nghiệp không có khả năng thanh toán và không có biên bản xác nhận bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung vay hộ xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 266.725.076 đồng, vay cá nhân bà Trần Thị Thuộc số tiền là 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần thép Mitsu Vina số tiền là 1.331.179.529 đồng. Do chưa có những kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra, Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính bán niên của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung chưa thể có đánh giá đầy đủ và xác định việc xử lý các khoản phải thu này.
- Khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh không bao gồm chi phí thuê nhà phát sinh tại Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật do Công ty này chưa hạch toán chi phí thuê nhà vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ với số tiền là 1.325.451.600 đồng.
- Khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh không bao gồm khoản thu dịch vụ đã được KTV xác định đủ điều kiện ghi nhận nhưng chưa được Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ với số tiền là 890.463.110 đồng.
- Khoản mục hàng tồn kho được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên phần V, đoạn 07 (trang 26) bao gồm giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển với số tiền là 1.161.556.338 đồng của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ. KTV đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho nói trên nên không thể xem xét đến giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trích lập. Do đó, KTV không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Chỉ tiêu “Khấu hao trong kỳ” tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên phần V, đoạn 08 (trang 27) không bao gồm khấu hao của Phân xưởng cán, thiết bị chính và thiết bị phụ trợ tại phân xưởng cán của Công ty CP Cơ khí Duyên Hải với giá trị khấu hao là 761.790.716 đồng do các máy móc, thiết bị này không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cơ khí Duyên Hải.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Tiếp theo)**

- Khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Sài Gòn – Hà Nội được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ nhận được Báo cáo tài chính năm 2015, năm 2016 của Công ty CP Thương mại Sài Gòn – Hà Nội. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này chỉ bị ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh năm 2015, năm 2016 của Công ty CP Thương mại Sài Gòn – Hà Nội mà không bị ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh từ thời điểm Tổng Công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty CP Thương mại Sài Gòn – Hà Nội đến hết năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Gia được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên theo giá gốc vì chúng tôi chưa được cung cấp những tài liệu cụ thể để ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Số liệu tại ngày 20/01/2017 được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất này của Công ty CP Cơ khí Cửu Long và Công ty CP Cơ khí Duyên Hải chưa được soát xét do hai đơn vị này lập báo cáo soát xét bán niên cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2015-137-1

Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	20/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.515.892.567.142	1.486.901.189.771
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	277.221.764.255	94.969.758.432
1. Tiền	111		33.820.009.232	47.358.884.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		243.401.755.023	47.610.874.074
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	115.278.414.951	268.086.213.019
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		115.278.414.951	268.086.213.019
III. Các khoản phải thu	130		692.791.526.471	759.421.023.114
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	557.819.707.268	583.945.657.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		91.957.937.332	73.964.532.869
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	691.128.590	663.261.783
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	2.500.000.000	2.500.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	105.069.975.482	98.386.657.041
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(65.312.222.201)	(104.086.027)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		65.000.000	65.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	318.933.971.379	255.320.148.072
1. Hàng tồn kho	141		318.933.971.379	255.320.148.072
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.666.890.086	109.104.047.134
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	295.292.503	128.595.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.256.039.636	14.356.804.507
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	96.115.557.947	94.618.647.280
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			869.629.673.058	878.562.266.432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.063.319.089	733.623.467
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03		494.487.234
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	4.063.319.089	239.136.233
II. Tài sản cố định	220		662.404.639.570	675.474.849.169
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	626.408.533.832	636.256.029.740
- Nguyên giá	222		883.825.579.550	876.710.584.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.417.045.718)	(240.454.554.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	35.996.105.738	39.218.819.429
- Nguyên giá	228		37.860.113.006	40.695.113.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.864.007.268)	(1.476.293.577)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	57.469.674.820	56.403.960.012
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	261			68.790.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		57.469.674.820	56.335.170.012
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	89.568.082.804	88.436.835.534
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.515.249.137	57.688.749.567
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.748.085.967	30.748.085.967
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(695.252.300)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	259		5.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.123.956.775	57.512.998.250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	56.123.956.775	57.512.998.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.385.522.240.200	2.365.463.456.203

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	20/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		971.603.957.036	950.864.267.590
I. Nợ ngắn hạn	310		841.740.490.536	821.040.801.090
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	196.333.802.734	195.536.246.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		96.344.468.640	97.319.239.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31.537.815.596	32.295.998.593
4. Phải trả người lao động	314		184.505.684.305	197.699.458.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	54.323.013.387	52.874.811.958
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		61.675.466	61.675.466
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	785.230.218	1.880.989.903
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	66.113.380.430	56.564.437.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	205.754.400.095	176.155.484.398
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			1.869.999.417
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.981.019.665	8.782.460.078
II. Nợ dài hạn	330		129.863.466.500	129.823.466.500
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	127.720.100.000	127.680.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.143.366.500	2.143.366.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.413.918.283.164	1.414.599.188.613
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.413.918.283.164	1.414.599.188.613
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.419.993.316.099	1.419.993.316.099
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		233.046.766	233.046.766
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(4.602.865.297)	(4.602.865.297)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.752.636.047	1.522.107.908
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(10.653.932.821)	(9.781.097.109)
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		7.196.082.370	7.234.680.246
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.385.522.240.200	2.365.463.456.203

Người lập



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc




Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22

tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	446.680.116.201	53.151.332.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. (10= 01-02)	10		446.680.116.201	53.151.332.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	413.674.535.457	46.212.256.423
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. (20=10 - 11)	20		33.005.580.744	6.939.076.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	78.763.488.112	6.447.057.064
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.571.772.605	4.003.741.052
- Trong đó: Chi phí lãi vay			4.645.077.359	65.893.675
Phân lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh				
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	1.592.035.227	146.814.297
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	104.782.210.935	8.118.412.364
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11. {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(176.949.911)	1.117.165.382
12. Thu nhập khác	31	VI.07	1.973.962.615	654.572.521
13. Chi phí khác	32	VI.08	1.171.046.167	36.186.814
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		802.916.448	618.385.707
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		625.966.537	1.735.551.089
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		257.387.003	827.101.012
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				
18. (60=50 - 51 - 52)	60		368.579.534	908.450.077
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	61		(38.597.877)	(41.329.809)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		407.177.411	949.779.886
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3	N/A

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Anh



Trần Thị Thu Trang



TỔNG CÔNG TY

MÁY VÀ THIẾT BỊ

CÔNG NGHIỆP-

CTCP

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-

BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	01/01/2017 đến 20/01/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		368.579.534	908.450.077
2 Điều chỉnh cho các khoản			2.501.245.112
- Khấu hao TSCĐ	02	17.350.204.559	5.094.779.346
- Các khoản dự phòng	03	65.312.222.201	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(52.422.705)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(78.619.443.636)	(2.659.427.909)
- Chi phí lãi vay	06	4.645.077.359	65.893.675
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vi	08	368.579.534	3.409.695.189
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(4.059.907.999)	34.329.004.709
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(63.613.823.307)	1.417.998.509
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	39.690.973.561	(26.202.553.624)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	1.389.041.475	(3.254.258.649)
- Thuế thu nhập đã nộp	14	(18.282.577.846)	(113.712.245)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(941.422.000)	(80.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.410.429.271	8.484.688.921
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(22.272.650.834)	(5.221.776.149)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52.311.358.145)	12.769.086.662
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.957.657.454)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		(80.125.495.696)	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(11.894.847.533)	(53.149.440.775)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	244.176.039.797	4.220.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.000.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	76.864.692.613	109.972.485
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	222.062.731.727	(47.819.468.290)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160.701.668.404	27.709.283.959
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(148.117.426.163)	(32.680.837.085)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(83.610.000)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	12.500.632.241	(4.971.553.126)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	01/01/2017 đến 20/01/2017
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	182.252.005.823	(40.021.934.754)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	94.969.758.432	134.991.693.186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	277.221.764.255	94.969.758.432

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là Công ty TNHH NN MTV- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần (cp)	Số tiền	Tỷ lệ
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Tổng Công ty có công ty con, công ty liên kết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con			
1. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH NN Một thành viên XNK sản phẩm cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty Cổ phần dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
7. Công ty cổ phần Cơ khí Cửu Long	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng	78,89%	78,89%
II. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội		20%	20%
2. Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Gia		1,645%	1,645%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (ký hiệu "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trừ khi khoản đầu tư dự kiến được thanh lý trong tương lai gần và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp -CTCP đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần sở hữu các khoản tăng, giảm của các quỹ dự trữ công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 -Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị phát thanh truyền hình. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

01
NG
NH
MT
VIE
IA

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	20/01/2017
Tiền mặt	5.586.877.943	7.372.583.624
Tiền gửi ngân hàng	28.228.390.821	39.986.300.734
Các khoản tương đương tiền (dưới 3 tháng)	243.401.755.023	47.610.874.074
Tiền đang chuyển	4.740.468	-
Tổng cộng	277.221.764.255	94.969.758.432

02. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)

Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội

Văn Phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp

Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung

Công ty CP Cơ khí Duyên Hải

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng

Công ty CP Cơ khí Duyên Hải

Tổng cộng

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	115.278.414.951	115.278.414.951	268.086.213.019	268.086.213.019
	71.514.414.951	71.514.414.951	203.003.213.019	203.003.213.019
	15.000.000.000	15.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
	26.764.000.000	26.764.000.000	25.083.000.000	25.083.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	120.278.414.951	120.278.414.951	268.086.213.019	268.086.213.019

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
 Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

02. Các khoản đầu tư tài chính
 c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội	1.788.560.362	(*)	1.788.560.362	(*)
Liên doanh tòa nhà IBC Trảng Thi	126.688.775	(*)	126.688.775	(*)
Công ty CP công đoàn giấy	100.000.000	(*)	100.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Gia	52.500.000.000	(*)	55.673.500.430	(*)
Tổng cộng	54.515.249.137	-	57.688.749.567	-

f) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng	655.390.567	(*)	655.390.567	(*)
Công ty CP Đá Mài Hải Dương	1.975.208.071	(*)	1.975.208.071	(*)
Công ty CP cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200	736.759.900	1.432.012.200	(*)
Công ty CP Xi măng Đồng Bành	21.701.360.000	(*)	21.701.360.000	(*)
Công ty CP Cà Phê Hasa	850.000.000	(*)	850.000.000	(*)
Ngân hàng TMCP Eximbank	2.665.569.500	(*)	2.665.569.500	(*)
Chứng khoán đầu tư	1.468.545.629	(*)	1.468.545.629	(*)
Tổng cộng	30.748.085.967	-	(695.252.300)	30.748.085.967

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư Công ty liên kết và Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cơ khí chế tạo Hải Phòng) để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

03. Phải thu khách hàng

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn	557.819.707.268	(65.312.222.201)	583.945.657.448	(104.086.027)
Công ty mẹ	187.592.653.217	(5.199.744.832)	178.001.612.722	
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	8.556.370.564	-	20.679.517.000	
Công ty cổ phần Công nghiệp Hoá chất Tây Ninh	-	-	22.935.854.844	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia (*)	79.401.628.984	-	79.401.628.984	
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	-	-	6.859.639.559	
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	26.168.468.540	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	8.154.783.100	-	-	
Công ty CP đầu tư và xây dựng cơ khí Sông Hồng	3.367.886.062	(1.529.435.000)	13.083.021.127	
Công ty Cổ phần cơ khí điện lực	3.792.718.153	(2.654.902.707)	-	
Công ty TNHH Việt Lào	2.030.814.250	(1.015.407.125)	-	
Đối tượng khác (**)	56.119.983.564	-	114.443.580.192	
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	62.996.802.853		43.348.697.232	
Công ty CP Thép Hà Nội (***)	27.264.461.695	-	27.264.461.695	
Công ty TNHH MTV Thuận Phát Hải Dương	21.260.441.962	-	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh (****)	3.230.706.858	-	3.230.706.858	
Đối tượng khác	11.241.192.338	-	12.853.528.679	
Công ty TNHH NN MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	62.440.828.587		70.269.187.375	
Công Ty TNHH XNK TM Kim Hoàng	9.454.124.240	-	341.183.940	
Công ty CP TM&SX Thiên Hoàng Long	16.460.487.343	-	13.262.653.243	
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	8.886.797.284	-	10.919.979.274	
Công ty TNHH Quốc tế Nguyên Phương	-	-	7.219.984.370	
Công ty CP Đầu tư và TM Phú Minh Nguyên	6.066.340.198	-	6.754.210.938	
Công ty TNHH DV và Thương Mại ĐL Việt Nam	-	-	5.215.045.000	
Đối tượng khác	21.573.079.522	-	26.556.130.610	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	60.276.956.068	63.150.468.748
Công ty CP Dầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976	10.826.251.976
Công ty Thương mại Hà Thành	4.685.073.520	4.685.073.520
Công ty TNHH ĐT Công nghệ và TM Việt Nam	28.315.360.500	28.315.360.500
Đối tượng khác	16.450.270.072	19.323.782.752
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	166.212.647.079	196.809.050.711
Công ty TNHH 289	66.596.107.196	66.996.107.197
Công ty Cổ phần Nam Vang	49.336.854.941	49.536.854.941
Công ty Cổ phần Thương mại Đức Phát	23.902.985.544	40.152.705.417
Công ty Cổ phần DV&KTTH-HDC	10.043.449.623	19.278.761.282
Công ty TNHH XNK TMDV TOT	3.998.397.300	5.601.848.400
Các Công ty khác	12.334.852.475	15.242.773.474
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	11.821.822.935	28.343.289.156
Công ty CP Dụng cụ số 1	4.259.519.180	2.656.127.691
Văn phòng công ty	2.769.240.571	1.825.365.695
Chi nhánh thành phố HCM	170.425.530	197.158.280
Trung tâm kinh doanh	1.030.351.584	427.693.336
Trung tâm CNC	289.501.495	205.910.380
Công ty CP Cơ khí Cửu Long	2.218.477.349	1.367.223.813
Doanh nghiệp TN Vạn Phước	730.300.000	750.890.000
Đối tượng khác	1.488.177.349	616.333.813
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	-	494.487.234
Công ty TNHH NN MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	-	494.487.234
Khác	-	-
Tổng cộng	557.819.707.268	584.440.144.682
	(65.312.222.201)	(104.086.027)
		(48.040.200)
		(48.040.200)
		(56.045.827)

(*): Tổng Công ty đang có những giải pháp để thu hồi khoản công nợ này, đồng thời, bên đối tác cũng đã có những động thái tích cực trong việc trả nợ.
 (**): Bao gồm: khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 432.222.471 đồng; nợ quá hạn có thời gian lớn hơn 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%); khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 269.196.839 đồng; nợ quá hạn có thời gian từ 2-3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 70%); khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 512.859.599 đồng; nợ quá hạn có thời gian từ 1-2 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

định là 50%); khoản phải thu khách hàng của Chi nhánh Tổng Công ty là 854.485.022 đồng đã quá hạn thanh toán có thời gian lớn hơn 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%)

(***) là khoản phải thu của Xí nghiệp KD XNK Tổng hợp do Ông Nguyễn Duy Xuyên làm đại diện. Các giao dịch liên quan đến khoản công nợ này đang được điều tra vì Ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị tạm giam để điều tra về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản và là già con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức theo cáo trạng số 419/CT-VKS-P3 ngày 21/12/2015 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Khoản công nợ này được xác định khó có khả năng thu hồi.

(***) là công nợ phải thu Công ty TNHH SX và TM Thế Anh, theo biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013 xác nhận và giấy mượn tiền của Ông Nguyễn Duy Xuyên đã vay Công ty Thế Anh số tiền bằng tiền mặt là 3.250.000.000 đồng, trong đó có ghi nội dung khi Ông Xuyên trả lại số tiền mượn này thì Công ty TNHH SX và TM Thế Anh mới chuyển trả khoản công nợ phải thu vào tài khoản của Xí nghiệp KD XNK. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/21/2014, Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

04. Phải thu nội bộ**a) Phải thu nội bộ ngắn hạn**

Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp
 Công ty CP cơ điện và XD Quảng Nam
 Đối tượng khác

	30/06/2017		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	637.500.000		637.500.000	
	20.000.000		-	
	33.628.590		25.761.783	
Tổng cộng	691.128.590	-	663.261.783	-

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long
 Nguyễn Quyết Chiến (*)

	30/06/2017		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	2.000.000.000		2.000.000.000	
	500.000.000		500.000.000	
Tổng cộng	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-

(*): Thời gian đáo hạn là 31/12/2012. Thời gian nợ quá hạn > 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng là 100% theo qui định).

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

06. Phải thu khác

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	105.069.975.482		98.386.657.041	
Chi phí cổ phần hóa	5.540.192.445		4.914.223.945	
Phải thu các công ty con	1.919.789.577		1.031.583.622	
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	228.067.720		228.631.119	
Phải thu lãi vay ngắn hạn	134.213.889		788.333.445	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	2.083.474.527		330.555.556	
Ký cược, ký cược	3.000.000.000		-	
Phải thu khác (*)	80.195.682.389		75.374.278.274	
Tạm ứng (**)	11.968.554.935		15.719.051.080	
b) Phải thu dài hạn khác	4.063.319.089		239.136.233	
Ký cược, ký quỹ	1.482.236.594		239.136.233	
Khác	2.581.082.495		-	
Tổng cộng	109.133.294.571	-	98.625.793.274	-

(*): Bao gồm nợ phải thu khác (đối tượng theo dõi là ông Nguyễn Duy Xuyên) của Xí nghiệp KD XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 48.134.425.710 đồng khó có khả năng thu hồi.

(*): Bao gồm khoản lãi phải thu ông Nguyễn Quyết Chiến (gốc vay được trình bày tại Mục 5, trang 24) là 231.375.000 đồng. Theo qui định, tỷ lệ trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này là 100%.

(**): Trong đó bao gồm 413.904.017 đồng (tạm ứng của Chi nhánh Tổng Công ty) đã quá hạn thanh toán lớn hơn 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

07. Hàng tồn kho

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.300.444.855		23.946.160.211	
Công cụ, dụng cụ	3.959.798.304		4.364.510.106	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200.492.679.896		141.750.288.463	
Thành phẩm	37.307.331.677		37.753.100.574	
Hàng hóa	50.348.057.613		40.425.211.481	
Hàng gửi đi bán	1.525.659.034		7.080.877.237	
Tổng cộng	318.933.971.379		255.320.148.072	



TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 20/01/2017	599.824.170.837	250.653.480.512	24.702.015.238	1.530.918.003	-	876.710.584.590
Tăng trong kỳ	251.038.233	6.825.139.454	-	38.817.273	-	7.114.994.960
- Mua trong kỳ	251.038.233	6.825.139.454	-	38.817.273	-	7.114.994.960
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	600.075.209.070	257.478.619.966	24.702.015.238	1.569.735.276	-	883.825.579.550
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 20/01/2017	78.747.469.341	146.851.015.330	13.954.012.788	902.057.391	-	240.454.554.850
Tăng trong kỳ	9.280.932.868	6.693.436.231	905.373.230	82.748.539	-	16.962.490.868
- Khấu hao trong kỳ	9.280.932.868	6.693.436.231	905.373.230	82.748.539	-	16.962.490.868
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	88.028.402.209	153.544.451.561	14.859.386.018	984.805.930	-	257.417.045.718
Giá trị còn lại						
Tại ngày 20/01/2017	521.076.701.496	103.802.465.182	10.748.002.450	628.860.612	-	636.256.029.740
Tại ngày 30/06/2017	512.046.806.861	103.934.168.405	9.842.629.220	584.929.346	-	626.408.533.832

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Khoản mục	Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Tại ngày 20/01/2017	40.055.221.480	-	-	-	639.891.526	-	40.695.113.006
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	2.835.000.000	-	-	-	-	-	2.835.000.000
- Giảm khác	2.835.000.000	-	-	-	-	-	2.835.000.000
Tại ngày 30/06/2017	37.220.221.480	-	-	-	639.891.526	-	37.860.113.006
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 20/01/2017	931.186.996	-	-	-	545.106.581	-	1.476.293.577
Tăng trong kỳ	379.380.356	-	-	-	8.333.335	-	387.713.691
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	1.310.567.352	-	-	-	553.439.916	-	1.864.007.268
Giá trị còn lại							
Đầu kỳ	39.124.034.484	-	-	-	94.784.945	-	39.218.819.429
Cuối kỳ	35.909.654.128	-	-	-	86.451.610	-	35.996.105.738

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
10. Tài sản dở dang dài hạn				
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Khác			68.790.000	68.790.000
			68.790.000	68.790.000
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD/CB)	57.469.674.820	57.469.674.820	56.335.170.012	56.335.170.012
DA di dời và xây dựng nhà máy mới tại KCN Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	22.372.055.945	22.372.055.945	22.145.621.036	22.145.621.036
Chi phí của dự án "Di chuyển cải tạo và nâng cấp năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	4.849.465.849	4.849.465.849	4.849.465.849	4.849.465.849
Xây dựng nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	30.203.653.026	30.203.653.026	29.066.682.472	29.066.682.472
Sửa chữa lớn tài sản cố định	44.500.000	44.500.000	-	-
Khác	-	-	273.400.655	273.400.655
Tổng cộng	57.469.674.820	57.469.674.820	56.403.960.012	56.403.960.012

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11. Chi phí trả trước	30/06/2017	20/01/2017
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	295.292.503	128.595.347
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	295.292.503	128.595.347
<i>Dài hạn</i>	56.123.956.775	57.512.998.250
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng của Nhà máy Quy chế Từ Sơn	29.824.831.015	30.146.182.722
- Chi phí công cụ, dụng cụ	4.464.849.824	5.159.452.440
- Phí bảo lãnh ngân hàng	91.783.100	226.375.297
- Trợ cấp mất việc làm	2.218.285.000	2.777.367.000
- Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	10.198.908.651	10.257.937.835
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	66.619.652	84.440.552
- Chi phí di chuyển địa điểm	154.512.727	206.126.250
- Khác	2.224.166.807	1.775.116.154
Cộng	56.419.249.278	57.641.593.597

19/1
17/1
H
AN
NA
21-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
 Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12. Phải trả người bán

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	196.333.802.734	184.929.942.143	195.536.246.073	184.132.385.482
Công ty Mẹ	81.895.250.696	81.895.250.696	63.968.984.519	63.968.984.519
Công ty CP Lắp máy xây dựng và Thương mại Bắc Hà	618.625.634	618.625.634	618.625.634	618.625.634
Công ty CP Xây dựng phát triển và Đầu tư Hà Nội	1.803.936.524	1.803.936.524	1.803.936.524	1.803.936.524
Công ty CP An Tín Phát - Việt Nam	956.722.000	956.722.000	1.978.682.976	1.978.682.976
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam	9.345.297.940	9.345.297.940	10.965.438.000	10.965.438.000
Công ty CP thang máy và đầu tư HTC	5.111.260.000	5.111.260.000	5.111.260.000	5.111.260.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tú Vỹ	-	-	563.963.017	563.963.017
Công ty TNHH Tư vấn và TM Quốc tế Hoàng Dương	1.268.520.022	1.268.520.022	494.894.400	494.894.400
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	535.909.035	535.909.035	535.909.035	535.909.035
Viện Nghiên cứu Cơ khí	1.585.842.418	1.585.842.418	1.503.287.418	1.503.287.418
Chi nhánh Miền Nam Công ty CP Nôi hơi Việt Nam	764.028.000	764.028.000	764.028.000	764.028.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Đình Quý	634.443.500	634.443.500	558.603.499	558.603.499
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thiên Khang	85.468.891	85.468.891	315.294.790	315.294.790
Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ Lọc hóa dầu	518.758.000	518.758.000	518.758.000	518.758.000
Guilin Guiye Industrial Co., Ltd	9.930.882.981	9.930.882.981	9.937.425.064	9.937.425.064
Linyi Huihang machinery Co.,Ltd	1.932.678.891	1.932.678.891	1.933.952.066	1.933.952.066
Wuhan Lidi Hydraulic Equipment Co.,Ltd	65.122.200	65.122.200	655.615.590	655.615.590
Công ty CP công nghệ công nghiệp INTEC	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Đội tượng khác	38.697.754.660	38.697.754.660	17.669.310.506	17.669.310.506

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	34.952.168.277	23.548.307.686	13.536.596.998	2.132.736.407
Công ty Cổ phần thép Thuận Phát	10.185.823.141	10.185.823.141		
Công ty Cổ phần kim khí quốc tế Việt Nhật	10.999.953.536	10.999.953.536		
Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp	11.403.860.591	-	11.403.860.591	-
Đội tượng khác	2.362.531.009	2.362.531.009	2.132.736.407	2.132.736.407
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	11.327.153.900	11.327.153.900	15.429.532.615	15.429.532.615
Công ty TNHH Quốc Tế Nguyễn Phương	3.000.000.000	3.000.000.000		
NM Quy chế Từ Sơn	5.183.908.304	5.183.908.304	5.508.696.962	5.508.696.962
Khác	3.143.245.596	3.143.245.596	9.920.835.653	9.920.835.653
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	38.226.162.446	38.226.162.446	61.908.321.596	61.908.321.596
Công ty CP kết cấu Xây dựng	2.816.402.354	2.816.402.354	2.816.402.354	2.816.402.354
Công ty CP ĐTXD hạ tầng & khai thác mỏ Tân Việt Bắc	1.294.537.733	1.294.537.733	1.294.537.733	1.294.537.733
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Dịch vụ An Huy	16.964.989.896	16.964.989.896	42.002.466.446	42.002.466.446
Công ty CPTM và vận tải Vĩnh Hải	5.423.812.120	5.423.812.120	3.950.000.000	3.950.000.000
Các Công ty khác	11.726.420.343	11.726.420.343	11.844.915.063	11.844.915.063
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	15.024.540.902	15.024.540.902	18.121.628.902	18.121.628.902
Alfa Universal Co.,Ltd	5.028.231.413	5.028.231.413	5.028.231.413	5.028.231.413
Công ty TNHH Phân phối thiết bị công nghệ Hà Nội	8.975.203.559	8.975.203.559	8.975.203.559	8.975.203.559
Đội tượng khác	1.021.105.930	1.021.105.930	4.118.193.930	4.118.193.930
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	12.626.045.809	12.626.045.809	21.244.253.903	21.244.253.903
Công ty TNHH TM Thiên Tân Hà Khâu	4.880.345.400	4.880.345.400		
Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Mak steel	3.297.825.079	3.297.825.079		
Đội tượng khác	4.447.875.330	4.447.875.330		

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
 Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty Có phân Dạng cụ số 1	1.994.084.208	1.994.084.208	1.326.927.540	1.326.927.540
Văn phòng Công ty	639.305.729	639.305.729	580.306.602	580.306.602
Chi nhánh Thành phố HCM	1.224.811.774	1.224.811.774	2.022.900	2.022.900
Trung tâm kinh doanh	129.966.705	129.966.705	565.334.172	565.334.172
Trung tâm CNC	288.396.496	288.396.496	179.263.866	179.263.866
Công ty CP Cơ khí Cửu Long	288.396.496	288.396.496	-	-
Đối tượng khác	288.396.496	288.396.496	-	-
Tổng cộng	196.333.802.734	184.929.942.143	195.536.246.073	184.132.385.482



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải thu

	20/01/2017	Phải nộp	Đã nộp	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	11.249.514.377	1.240.431.205	(21.297.506)	12.511.243.088
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	83.258.539.173	-	(1.504.689)	83.260.043.862
Thuế thu nhập cá nhân	14.383.001	57.938.390	70.630.487	1.690.904
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	94.770.804	75.950.694	(171.418.670)	342.140.168
Các loại thuế khác	1.000.000	-	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Tổng cộng	94.618.647.280	1.374.320.289	(122.590.378)	96.115.557.947

b) Phải trả

	20/01/2017	Phải nộp	Đã nộp	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	16.416.076.103	11.574.298.877	11.523.657.674	16.466.717.306
+ Thuế VAT đầu ra	16.416.076.103	9.401.787.247	9.351.146.044	16.466.717.306
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.172.511.630	2.172.511.630	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.215.681.961	1.858.913.819	1.434.545.700	2.640.050.080
Thuế TNDN	2.969.619.276	257.387.003	941.422.000	2.285.584.279
Thuế TNCN	460.226.916	165.043.519	441.173.281	184.097.154
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	143.931.607	798.939.709	914.631.524	28.239.792
Các loại thuế khác	5.242.429.531	3.000.000	141.687.880	5.103.741.651
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.163.651.772	-	18.647.865	2.145.003.907
Tổng cộng	32.295.998.593	14.657.582.927	15.415.765.924	31.537.815.596

14. Chi phí phải trả

	30/06/2017	20/01/2017
a) Ngắn hạn	54.323.013.387	52.874.811.958
Lãi vay phải trả	4.546.036.037	4.063.513.728
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	2.635.269.621	1.622.108.835
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	4.337.157.008	4.337.157.008
Chi phí có liên quan đến các Dự án di dời	29.840.594.085	29.840.594.085
Chi phí giải phóng mặt bằng	12.919.960.233	12.919.960.233
Khác	43.996.403	91.478.069
b) Dài hạn	-	-
Cộng	54.323.013.387	52.874.811.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/06/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	785.230.218	1.880.989.903
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	785.230.218	1.880.989.903
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng		
Tổng cộng	<u>785.230.218</u>	<u>1.880.989.903</u>

16. Phải trả khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn	66.113.380.430	56.564.437.100
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.219.988.040	4.219.988.040
Kinh phí công đoàn	1.012.098.459	659.783.188
Bảo hiểm xã hội	2.227.382.893	1.872.620.112
Bảo hiểm y tế	402.992.774	73.081.064
Bảo hiểm thất nghiệp	35.868.249	32.781.207
Nhận ký quỹ, ký cược	1.636.908.321	2.259.649.321
Chi phí tháo dỡ, vận chuyển và bù đắp thiệt hại khi tháo dỡ	76.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	43.597.141.694	34.541.534.168
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	127.720.100.000	127.680.100.000
+ Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội (*)	118.000.000.000	118.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (**)	9.531.600.000	9.531.600.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	188.500.000	148.500.000
Cộng	<u>193.833.480.430</u>	<u>184.244.537.100</u>

(*): Khoản tiền thu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ứng trước cho Công ty để thực hiện dự án “Di chuyển, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1: theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT-TJC ngày 3/4/2009 về việc “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

(**): Khoản thu từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào trả do giảm phần diện tích sàn xây dựng nhận được của Dự án “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội”.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	205.754.400.095	154.825.866.157	176.155.484.398	125.226.950.460
- Vay ngắn hạn (VND)	201.754.400.095	150.825.866.157	172.155.484.398	121.226.950.460
- Vay ngắn hạn ngân hàng	199.600.038.926	150.347.229.630	169.471.123.229	120.218.313.933
- Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
- Vay cá nhân	556.456.564	478.636.527	1.086.456.564	1.008.636.527
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay dài hạn	2.143.366.500	2.143.366.500	2.143.366.500	2.143.366.500
- Vay dài hạn ngân hàng	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Vay các đối tượng khác	343.366.500	343.366.500	343.366.500	343.366.500
Tổng cộng	207.897.766.595	156.969.232.657	178.298.850.898	127.370.316.960

Trong đó, khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung như sau:

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Đông Hà Nội	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp (*)	26.665.724.642		26.665.724.642	
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Hà Nội	24.990.000.000		24.990.000.000	
Công đoàn Công ty	266.725.076		266.725.076	
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037		77.820.037	
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.331.179.529		1.331.179.529	
Tổng cộng	50.928.533.938		50.928.533.938	

Toàn bộ khoản vay nói trên là của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp và không có khả năng thanh toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
30/06/2017

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Mẫu số B 09a-DN/HN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư ngày 20/01/2017	1.419.993.316.099	233.046.766	(4.602.865.297)	1.522.107.908	(9.781.097.109)	7.234.680.246	1.414.599.188.613
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	368.579.534	-	368.579.534
- Lãi trong kỳ	-	-	-	90.497.854	481.099.583	-	571.597.437
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	140.030.285	(698.030.285)	-	(558.000.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.024.484.544)	(38.597.876)	(1.063.082.420)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2017	1.419.993.316.099	233.046.766	(4.602.865.297)	1.752.636.047	(10.653.932.821)	7.196.082.370	1.413.918.283.164

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	20/01/2017
Vốn Nhà nước	1.413.925.116.099	1.413.925.116.099
Vốn của các cổ đông khác	6.068.200.000	6.068.200.000
Cộng	1.419.993.316.099	1.419.993.316.099



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.413.925.116.099	1.413.925.116.099
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>1.419.993.316.099</u>	<u>1.413.925.116.099</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BÁN NIÊN HỢP NHẤT (Đơn vị tính: VND)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Doanh thu bán hàng	273.369.209.215	21.582.536.475
Doanh thu bán thành phẩm	112.161.803.528	13.947.357.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.731.928.436	985.883.177
Doanh thu hợp đồng xây dựng	55.281.359.194	16.635.555.612
Doanh thu khác	135.815.828	
Tổng cộng	<u>446.680.116.201</u>	<u>53.151.332.454</u>

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	261.262.319.309	19.806.321.265
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	49.574.716.776	13.997.830.250
Giá vốn của thành phẩm đã bán	100.578.571.184	12.345.832.620
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	1.178.023.440	62.272.288
Khác	1.080.904.748	
Tổng cộng	<u>413.674.535.457</u>	<u>46.212.256.423</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.439.042.566	578.917.064
Lãi cho vay	113.125.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.067.276.070	
Lãi chênh lệch tỷ giá	142.148.476	674.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.896.000	5.193.640.000
Tổng cộng	78.763.488.112	6.447.057.064

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền vay	4.645.077.359	65.893.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá	189.812.361	
Đánh giá lại khoản đầu tư tài chính		3.113.129.155
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	695.252.300	
Chi phí khác	41.630.585	824.718.222
Tổng cộng	5.571.772.605	4.003.741.052

05. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên bán hàng	426.684.669	46.675.648
Chi phí vật liệu bao bì	289.559.488	94.519.339
Chi khí khấu hao TSCĐ	6.483.056	810.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.132.272	
Chi phí bằng tiền khác	726.175.742	4.808.928
Tổng cộng	1.592.035.227	146.814.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a- DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên quản lý	14.550.705.400	2.393.317.361
Chi phí vật liệu, mua đồ dùng văn phòng	1.875.722.353	62.933.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.501.589.850	613.476.361
Thuế, phí, lệ phí	1.525.411.140	59.658.106
Chi phí dự phòng	65.208.136.175	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.284.347.498	3.318.428.119
Chi phí bằng tiền khác	10.836.298.519	1.670.599.361
Tổng cộng	104.782.210.935	8.118.412.364

07. Thu nhập khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi trả chậm	55.722.375	
Thuê máy móc và điện nước kèm theo	540.174.479	19.418.519
Thu tiền phạt tiến độ hợp đồng	18.000.000	
Khác	1.360.065.761	635.154.002
Tổng cộng	1.973.962.615	654.572.521

08. Chi phí khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí điện, nước, khấu hao máy cho thuê	542.574.479	
Các khoản khác	628.471.688	36.186.814
Tổng cộng	1.171.046.167	36.186.814

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu được hợp nhất tại ngày 20/01/2017 của Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ, công ty con và các công ty liên doanh, liên kết theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải